



**Phuong Thị Phi Nga**

# CHUYỆN BÂY GIỜ MỚI KỂ

Thuở mới lớn tôi ưa xem nhưng chuyện tình yêu có kết thúc tốt đẹp. Tôi không thích kết cục của Shakespeare khi ông cho cặp tình nhân Romeo - Juliette chết. Tôi thích chép lại những vần thơ ca tụng tình yêu đẹp trong cuốn sổ tay. Tôi cảm động trước những câu nói “anh yêu em” hay những lời cầu hôn trong trong phim ảnh, sách vở.

Sang Đức, tôi mê say một chương trình trên Tivi chỉ vì họ dàn dựng rất hay cho người con trai cầu hôn một cách bất ngờ khiến người con gái được cầu hôn bật khóc.

Tôi, người con gái trình độ đại học, gia đình trung lưu, sắc đẹp trung bình; từng có vài người đăm say theo đuổi và từng được bạn bè bầu là người có vóc dáng chuẩn, ba vòng thích hợp cho chiếc áo dài Việt Nam tha thướt. Đáng lẽ đủ điều kiện như tôi, sẽ có người nam nào đó cầm tay xin hỏi cưới bất ngờ, khiến cho tôi rung rung nước mắt chứ.

Nhưng đời lại không như mơ. Tôi chưa hề được cầu hôn và được tặng một vật gì gọi là đính ước, dầu thật nhỏ nhoi, để tôi trở thành người đàn bà quan trọng trong đời họ.

Ngược lại khi bước vào việc hôn nhân, tôi là kẻ chủ động đặt chuyện thành hôn, tự tìm ngày cưới. Nghĩa là tôi cầu hôn chàng. Tôi bương chải lo liệu sắm sửa tất cả các vật dụng cần thiết từ nhỏ đến lớn cho đám hỏi, đám cưới của mình.

Không, đừng nghĩ vì tôi vương bầu, đừng nghĩ vì tôi muốn thoát ly gia đình, cũng đừng nghĩ vì tôi bị cái này hay dính cái nọ, và cũng chẳng phải vì tôi quá đăm mê tình ái.

Để từ từ theo thứ tự thời gian, tôi kể cho các bạn nghe chuyện ngược đời khi thành hôn và chuyện đời ngược của tôi sau khi lập gia đình. Một câu chuyện mà bây giờ tôi mới kể.

Tháng 6 năm 1975, người bạn trai của tôi trước khi lên đường đi trình diện học tập cấp úy, thời gian quy định mà toàn dân miền Nam nghe và tưởng chỉ có 14 ngày, ghé nhà tôi từ già. Ngày hôm đó, anh đưa cho tôi giữ giùm một cây đàn guitar hiệu Yamaha mới toanh, và chiếc ví của anh ấy trong đó có ít tiền VNCH. Hai ngày sau là anh đi, tôi không đưa ra nơi tập trung vì gia đình anh sẽ chờ anh đến đó và tôi chỉ là bạn

gái chưa chính thức thuộc vào gia đình của họ.

Mười bốn ngày ngóng tin, rồi vài tháng... Mọi người bắt đầu hiểu là ngày về của người đi cải tạo trở thành vô vọng. Thân nhân các gia đình có cha, anh đi học tập bắt đầu qua lại nhà nhau, lo âu dò hỏi tin tức, đưa ra nhiều nghi vấn và tin đồn hoàn toàn bi đát, tuyệt vọng. Tôi không biết nhà anh ở đâu vì chưa hề được đến. Có lẽ tôi chưa được anh chọn, hay thời gian tìm hiểu chưa đủ, để anh giới thiệu với gia đình? Tôi không biết. Phần tôi, tôi cũng chưa nghĩ đến chuyện xa vời, hãy cứ dzung dzăng thêm một thời gian nữa cho vui. Có thể nói, cả hai chưa tìm hiểu nhau sâu đậm và tôi chưa tính chuyện kết tóc se tơ ràng buộc. Tôi cặp bồ thấy vui, thế đủ rồi. Hơn nữa tôi chưa xong đại học.

Bất ngờ miền Nam mất!

Tháng Tư năm 1975, tôi còn trong sân trường Đại Học Sư Phạm ban Anh Văn. Tôi mới chỉ là sinh viên năm thứ hai trong hệ thống bốn năm đào tạo để trở thành giáo sư đệ nhị cấp của chương trình giáo dục VNCH. Theo sức ép của xã hội đang thay đổi, tôi phải ở trường cả ngày, cuối tuần thì đi lao động xã hội chủ nghĩa. Sự ngóng trông, thắc mắc về những người đi học tập cải tạo cũng dần phôi phai trước tình thế bất buộc mình phải thích nghi với đời sống mới với “con người mới”. Người bạn trai, anh nhạt nhòa hình ảnh trong tôi.

Xã hội đang đảo lộn. Người dân tuy không bị đi vào các trại cải tạo tập trung nhưng trong các quận hạt, làng xóm ai cũng đang bị cải tạo từng giờ. Cùng với các bài học chánh trị, các ngày đi đào kênh lao động xã hội chủ nghĩa, người miền Nam bị xiết chặt bởi sổ hộ khẩu, bởi sổ gạo, sổ lương thực. Ai cũng phải xoay sở để sống còn trong cơn lốc xoáy.

Tôi bỏ học, không thông báo, sau khi trình diện vào những tuần đầu tháng 5 năm 1975. Gần nửa năm, đi theo mẹ tôi ra Huế. Lần đầu đi Huế, mẹ và tôi chỉ đem ít quà về cho bà con ngoài nó nhưng những lần sau, những chuyến đi bằng xe đồ thường xuyên ra Trung vào Nam đã biến tôi thành dân buôn hàng chuyên chuyên nghiệp.

Những tháng đầu sau khi mất nước, đi về thăm quê ngoại, tôi thấy giá vàng ngoài Trung so với trong Sài Gòn chênh lệch khá nhiều nên tôi xin mẹ cho tôi đi buôn. Lúc đó

vàng 24 carat hiệu An Thành, có đóng dấu ba hay bốn trái núi, là loại vàng Saigon ưa thích nhất. Từ một cây vàng vốn ban đầu, sau vài chuyến đi Trung là tôi nhân số vốn. Cây đàn guitar hiệu Yamaha tôi bán được năm chỉ vàng và số tiền chàng để trong chiếc ví được quy đổi ra thời bị đổi tiền cũng được tôi trưng dụng làm vốn liếng đầu tiên đi buôn.

Đi xe đò từ Saigon ra Huế thời đó cực lắm! Xe chạy tới Mường Mán là trời khuya và tài xế ngừng lại nghỉ lưng. Khách tìm các ghế bố phòng trọ nghỉ ngơi hoặc ngồi dật dờ trong các quán cóc bên đường chờ giờ xe chạy tiếp. Đường ra miền Trung đẹp nhất là những đêm có trăng tròn, trong lúc ngồi chờ đến giờ tài xế thức dậy chạy tiếp, tôi mãi mê nhìn trăng chiếu lên các cây dừa. Ánh trăng mát lạnh và gợi tôi nhớ đến những vần thơ, các bài nhạc ca tụng nàng Trăng. Thời gian chờ đợi nhờ vậy mà chóng qua trong thích thú.

Những tháng sau, luật lệ địa phương siết chặt việc buôn hàng. Dọc đường nhiều trạm thu thuế và xét hàng mọc lên như nấm. Xe đò chạy qua đều bị kê xét và chuyển đi dài hơn nhiều giờ hơn. Buôn vàng khó khăn nguy hiểm hơn, không khéo bị bắt vì tình nghi đem vàng đi vượt biên nên tôi nghe lời mẹ tôi quay lại trường đại học. Nhờ thuộc diện gọi là “gia đình Cách Mạng“ vì có thân nhân đi tập kết về nên tôi không bị làm khó dễ, ngược lại tôi được kết nạp ngay vào Hội. Tên Hội dài dòng, đến nay tôi không còn nhớ chính xác nhưng tôi biết rõ đây là một bước thang trong xã hội mới, ai không bước lên thì tự nhiên sẽ bị đào thải và nghiền nát. Từ Hội, bọn trẻ chúng tôi sẽ phải phấn đấu lên Đoàn, sau đó phấn đấu vào Đảng để làm người Cộng Sản; gia nhập vào tầng lớp ăn trên ngồi trước hưởng đặc quyền đặc lợi trong xã hội mới. Một xã hội chuyên tuyên truyền xóa bỏ giải cấp không còn người bóc lột người! Đúng là láo toét và lừa đảo.

Khoảng hơn mười tháng, sau ngày anh bạn của tôi đi trình diện, tôi mới có tin tức về anh. Một dịp rất tình cờ khi tôi đi với một bà chị họ từ Huế vào. Tôi đèo chị đến một con hẻm đường Phan Đình Phùng gần chợ Vườn Chuối để chị ấy chạy vô đó có tí việc còn tôi đứng ngoài chống xe đạp chờ thì tôi thấy ba của anh ấy trong hẻm bước ra. Tôi gặp ông độc nhất chi có một lần nhưng nhớ mãi. Hôm đó, sau khi đi xi nê trong

rap Eden ra chúng tôi đến xe bún ốc nổi tiếng trong hàng lang thương xá Eden ăn thì ông cũng đi ngang qua đó. Tôi cúi đầu chào ông nhưng ông không đáp lại, ông bỏ đi ngay.

Cuộc gặp gỡ nhạt nhẽo như nước ốc ấy lại là định mệnh. Hơn một năm sau, tôi tình cờ gặp lại ông. Tôi vẫn nhận ra ông, bước tới chào và hỏi thăm ông về anh. Ông cho tôi biết là từ một nơi học tập cải tạo vô danh nào đó anh ấy đã được viết thư về. Đây là lần đầu tiên tù cải tạo cấp úy được liên lạc với gia đình.

Có những tình cờ không tình cờ chút nào. Mọi sự đều là duyên nợ và đây là thời khắc duyên nợ đến đời tôi. Tôi xin theo ông về nhà để được xem địa chỉ của anh. Thời đó mỗi người tù chỉ viết được một lá thư ngắn gửi về một địa chỉ người thân với nội dung mà người tù được hướng dẫn và bị kiểm duyệt. Anh viết rằng đời sống hiện tại của các anh tại đó cái gì cũng đang huy hoàng sáng lạn. Thư viết khuyên thân nhân ở ngoài phải phấn đấu phấn khởi, hồ hởi xây dựng mình trở thành con người mới trong xã hội mới. Tôi học thuộc địa chỉ ngoài bì thư rất nhanh vì vồn vẹn chỉ là hai chữ hòm thư và dăm ba con số.

Về lại nhà, tôi ghi xuống và viết ngay cho anh một đoạn thư ngắn, đúng tiêu chuẩn được học tập trong trường để mong thư sẽ đến tay và người nhận không bị rắc rối khi họ bị kiểm duyệt. “Tình tưởng đã quên đi sao tình bỗng lại về, người tưởng đã quên đi nay về quá xa xăm... “ Có những người khi đi tù, vợ con chung thủy đợi chờ nhưng cũng có người đi tù mất vợ lẫn con. Tôi gia nhập vào làng, vào hội những người thiếu phụ trông chồng hóa đá mặc dầu bản thân mình, oái ăm thay chưa hề được ai đó xem là vợ.

Rất lâu sau khi chàng nhận được thư tôi, chàng mới có cơ hội hỏi âm. Lá thư đầu chàng viết cho tôi được một người vợ tù cải tạo chung lảng, chung trại, trong đợt đi thăm chồng đã lén lút đem về giùm và tử tế tìm đến tận nhà, tận tay giao thư cho tôi dù chúng tôi trước đó không hề quen biết. Ôi tấm lòng của người đàn bà chung thủy và nhân hậu đó tôi không bao giờ quên.

Năm 1976, khi cả nước đều đói, các người tù cải tạo được nhà nước “khoan hồng“ chánh sách thăm nuôi. Mỗi

người tù tuân tự được tiếp tế của thân nhân. Các thân nhân chưa tới phiên, đều chạy đến người sắp được đi thăm nuôi để gửi thư hay nếu may mắn có thể kè vào đó cho chồng con mình dầm ba trăm gờ ram thịt xào xả ớt, vài viên thuốc cảm, một chiếc quần đùi... Có những bồn phận tự nguyện, trên thế gian, có những thú đau thương không hiểu nguyên nhân! Tôi bắt đầu đưa lưng ra gánh phụ gia đình của anh từ đó... Đúng là “Từ đó trong em bùng nắng hạ, mặt trời chân lý chói qua tim.” Hai câu thơ tôi học trong trường XHCN trong giờ Chánh trị nay áp dụng vào hoàn cảnh này đúng gì đâu!

Bằng con ngựa sắt, tôi đạp xe đưa tin không biết mệt mỏi. Hôm nay tôi chạy qua chị A ngày tới chạy qua chị B để gửi thư hoặc gửi ít đồ đến anh sau những giờ học tập và lao động trong trường. Có hôm tôi đạp xe cả hơn hai mươi cây số. Lần đầu đi thăm nuôi anh cùng ba má của anh ở Tây Ninh, Trảng Lớn, tôi đã lén đem về một bó thơ của tù cái tạo gửi ra. Vì thân thể quá ốm sau hai năm cái tạo nên đồng thư bó vào bắp vế người tù không bị phác giác. Khi tôi về lại Sài Gòn, tôi đã trao thư đến mấy chục căn nhà hầu mang niềm vui đến cho họ như tôi đã từng được ban cho.

Khoảng ba năm sau, anh được trả tự do. Ngày anh về, tôi không hay biết. Cô em út của anh đạp xe lên nhà, kêu tôi ra ngoài thăm thì báo tin. Tôi xin phép ba má qua nhà bạn để chạy đến thăm anh. Năm anh được phóng thích tự do thì tôi đang ở trong cái rọ Đoàn viên và được giáo sư Tôn Nữ Thị Ninh, phó khoa ngoại ngữ giữ tôi ở lại trường để dạy tiếng Anh cho các phi công miền Bắc. Trong trường ĐHSP, sau năm 75, Ban Ngoại Ngữ thiếu người giảng dạy vì đa số các giáo sư đã đi ngoại quốc. Ngoài Bắc họ đưa các ông bà gọi là cán bộ giảng dạy vào Sài Gòn khá nhiều, để dạy Chánh trị hay chuyên môn. Trình độ chuyên môn của họ rất thấp, nhất là ban ngoại ngữ môn Anh Pháp.

Trong thành phần tăng viện này, có một cán bộ trẻ miền Bắc thuộc dân có cha mẹ đi tập kết. Tôi biết rất rõ ông tập kết này. Ông lại quen với một người bà con tập kết của gia đình tôi nên tiên tới mạnh bạo vì có chống lưng phía sau. Ông cứ thúc hỏi đòi “quản lý đời tôi” càng sớm càng tốt bởi vì năm đó ông đã xấp xỉ ba mươi.

Chàng được tự do, trở về Sài Gòn, ngay lúc tôi đang bị quay cuồng trong guồng máy vai vế chức vụ trong trường đại học. Đúng là mọi sự có an bài. Sự trở về của người tù cải tạo được phóng thích nhưng không có tự do, bị đối xử riêng biệt bất công đã làm tôi bừng lên lửa chống đối và phản kháng. Sau khi trình diện xóm làng tổ dân phố và cơ quan công an tại quận Tân Bình Phú Nhuận, họ phán rằng anh phải về nguyên quán, nơi ông bà cha mẹ xuất phát dù trước đây anh đã ở Sài Gòn từ năm mới lên hai.

Về lại Kiên Giang, thành phố Rạch Giá, người tù cải tạo tôi quen cũng như bao người khác đồng cảnh ngộ, mất quyền công dân. Mỗi ngày anh ấy phải trình diện tại Công an phường và nộp cho Công an bản báo cáo hàng ngày đã làm gì đã gặp những ai và đã nói với nhau chuyện gì. Căn nhà to lớn của ông nội anh bị chiếm làm Ty Giáo dục. Mẹ anh, sau tháng 4 năm 75, nhanh chân về giữ nhà. Bà có hộ khẩu tại đó nên được ân huệ ra ở phía sau căn phố, cách nhà lớn một khoảng sân rộng; cửa ra vào trở ra mặt đường song song với con đường mặt tiền của căn nhà lớn. Căn phố này ngày xưa dành cho người làm ở nhưng khá rộng và tương tất với bếp núc và cầu tiêu riêng.

Việc Sài Gòn đi xuống miền Tây khó khăn với tấm giấy phép đi đường. Đầu tiên dân chúng phải làm đơn xin phép tổ dân phố, nơi này chỉ chứng nhận chữ ký của mình rồi chuyển lên phường lên quận. Dân muốn có tờ giấy đó phải mất nhiều ngày chờ đợi, xếp hàng chầu chực. Sau khi có tấm giấy này mới được phép đi mua vé xe, lại thức khuya dậy sớm chen lấn để có chiếc vé. Bao nhiêu là đoạn khổ. Tôi có giấy công nhân viên cán bộ nhà nước để xin giấy đi đường nên tôi là người đi lên đi xuống Rạch Giá dễ dàng so với dân thường. Nhờ vậy tôi nhìn rõ bộ mặt thật của Chủ nghĩa Xã Hội mà miền Bắc đang áp đặt. Một chủ nghĩa vẽ ra thiên đường ảo, ôm lý tưởng về một thế giới cộng đồng. Tôi quyết định về Rạch Giá đặt lời cầu hôn với anh. Khi nghe tôi nói, anh im lặng! Anh nhìn thẳng vào mắt tôi nhưng không nói một câu gì.

Tôi nhớ lại lời anh viết trong lá thư đầu tiên từ trại cải tạo Tây Ninh, Trảng Lớn về cho tôi vào cuối năm 76: “Em hãy lo liệu đời em, đừng nghĩ gì về anh nữa”. Câu thối thác đã có

từ ngày anh vào trại cải tạo và thời gian đó dù anh không nói, tôi cũng đã tự lo liệu đời tôi.

Tôi làm đúng lời anh viết trong thư, tôi không nghĩ về anh nhiều nữa nhưng tôi buộc mình nên nghĩ nhiều về kẻ đã tạo ra trại tù cải tạo. Với tấm thẻ được đặc cách vào thư viện Quốc Gia để tìm tài liệu, tôi được phép đến các khu sách cấm. Tôi đã lên đọc những tác phẩm, những tạp chí văn học bị ghép vào loại phản động, văn hoá đòi truy mà trước đây tôi chưa hề để tâm tìm hiểu. Đọc và nghĩ nhiều để biết mình có tội là thời sinh viên học sinh trước năm 1975 mình đã quá ngu ngơ, đã quá thờ ơ với chiến cuộc VN. Tôi ghé đến trung tâm trưng bày tội ác Mỹ - Ngụy do họ dàn dựng để thấy sự tuyên truyền bịa đặt của chế độ Bắc Việt. Chế độ đó đặt rất nặng việc tuyên truyền và họ đã thành công nhờ công cụ đó. Tôi xét mình có nợ với các anh chiến sĩ VNCH và anh, bây giờ là một cá nhân trong tập thể đó. Tôi, lúc đó đã mơ hồ nghĩ món nợ này cần phải trả.

Không được câu trả lời khi tôi cầu hôn, tôi quay về Sài Gòn, gom góp hết tất cả vốn liếng mà tôi để dành khi theo mẹ đi ra Huế mua bán vàng trong những tháng đầu mất nước. Tôi sắm áo cô dâu, kiếm được xấp áo gấm hai da màu đỏ rất đẹp từ các khu phố chợ trời, mua đầy đủ kiềng vòng có chạm rồng phụng và đôi bông tai nhẫn cưới. Tất cả đều là vàng y. Tôi chuẩn bị cho hôn lễ của mình. Một mình tôi.

Vác tất cả quần áo vòng vàng và một số tiền mặt qua gặp ba của anh, tôi trình bày với bác mọi chuyện mà tôi toan tính. Đây là lần thứ tư tôi gặp ông, một lần tại xe bún ốc thương xá Eden, một lần ở con hẻm tình cờ, một lần cùng ông đi Trảng Lớn Tây Ninh thăm tù cải tạo, và bây giờ lần này tôi đến gặp ông một mình. Không biết tôi đã bắt đầu câu chuyện cưới xin ra sao, không biết tôi có khéo nói hay thẳng thừng đặt vấn đề cưới hỏi với con ông. Tôi không nhớ rõ, chỉ nhớ là tôi rất bình tĩnh như bàn chuyện giùm cho ai khác. Tôi nhờ ông thuyết phục ba má tôi và chàng. Còn tôi sắp xếp sao cho đầy đủ lễ vật cưới xin và gây go nhất là tìm cách chạy cho chàng một cái giấy đi đường. Người chiến sĩ ngày xưa, nay đã bị tước hết mọi vũ khí và sức lực lẫn tự tin. Tôi muốn khóc khi nghĩ đến điều này. Được đồng ý, tôi ghi luôn ngày cưới để ba



chàng đi mời một số bà con trong gia tộc, chuẩn bị đến nhà tôi làm lễ khấn gia tiên và nhập tất cả các lễ thành một lễ rước dâu. Tôi chạy ra nhà hàng Lê Lai đặt 10 bàn, ba bàn cho đàn trai và bảy bàn cho đàn gái. Gần nhà, trên đường Trần Văn Vân, có tiệm in mà tôi thường qua lại, thế là tôi tự chọn mẫu thiệp in thiệp cưới cho mình. Đám cưới đầu năm 1979 như thế là tươm tất và đình đám. Gần ngày cưới, tôi đi ra chợ Bàn Cờ, tìm đến hàng trầu cau và hàng trái cây, đặt mỗi thứ hai mâm thật đẹp. Đạp xe ra Lê Thánh Tôn đặt bánh phu thê, nhờ người ta gói thành hai mâm với giấy bóng kính đỏ. Đến ngày đó, các vị bên đàn trai cứ thế mà ôm sính lễ đến nhà gái rước dâu. Gia đình tôi trong khu xóm được các bác thương nên hôm dựng rạp làm công vụ quy, bà con đến phụ và tổ trưởng tổ phó cũng vui vẻ chúc mừng xôm tụ.

Đám cưới phải có chú rể, tôi nhờ người bác tập kết đang làm Trưởng ty Thủy lợi tại Sài Gòn làm một giấy chứng nhận anh được làm công nhân viên sau thời gian quản thúc tốt tại nguyên quán. Thời đó, giấy đóng mộc đỏ chói của các cục các ty từ Sài Gòn xuống có oai, các chức quyền dưới tỉnh đọc là tuân lệnh liền. Anh có giấy đi đường, lên Sài Gòn để làm đám cưới. Ngày đám cưới tôi, khi bước ra đường thì trời bỗng đổ mưa, một cơn mưa ngắn làm chúng tôi phải đứng lại trú mưa chốc lát. Ông bà, chú bác nói “Đám cưới gặp mưa như vậy là tốt lắm.” Không biết có đúng không nhưng sau đó thì anh có giấy tờ về làm tại Công ty Thủy lợi.

Phân tôi sau khi lập gia đình, dù không có giấy hôn thú vì anh chưa có quyền công dân chưa có hộ khẩu thường trú tại Sài Gòn nhưng trường ĐHSB biết do báo cáo của tổ dân phố. Họ đưa tôi ra khỏi thành phần cán bộ giảng dạy trong trường ngay vì lý lịch của tôi dính vào người chồng “ngụy”. Tôi bị chuyển về Rạch Giá, phải trình diện ty giáo dục Kiên Giang để nhận nhiệm sở mới. Cơn mưa trong đám cưới có lẽ tương ứng vào điều may mắn tốt đẹp. Khi đi xuống Rạch Giá, chưa kịp trình diện, chúng tôi được bà chủ ghe vượt biên người Hoa cho đi theo khi có hai người bỏ chỗ.

Đến hôm nay, có lẽ tôi là người duy nhất đi cưới chồng trong tất cả những người quen biết thân sơ. Chuyện cưới chồng này có ngược đời không các bạn? Chuyện ngược đời

này cho tôi sự hạnh diện vì đã làm đúng với con tim và lý trí của mình dám quyết định những gì mình thấy đúng. Tuy nhiên, như đã nói trong phần đầu câu chuyện, người tôi đi cưới đó đã cho tôi một cú móc ngược đời khi chàng quyết định về lại Việt Nam sinh sống sau khi nghỉ hưu. Ca dao có câu “Đi đâu cho thiếp theo cùng, đối no thiếp chịu lạnh lùng thiếp cam.” Tôi sẽ đi theo chàng và không ngại đối no, lạnh lẽo nhưng đi về nơi mà tôi đã vượt bao nguy hiểm đánh cược mạng sống của mình để rời bỏ nó thì chàng ơi, thiếp phải phụ chàng.

Chúng tôi ly hôn sau giai đoạn dài sống cùng nhau, qua nhiều cảnh khổ trên đường vượt biển, cùng hàn vi sát cánh làm lại cuộc sống mới trên quê hương mới. Cuối cùng, tôi cũng vẫn là người chủ động và chàng lại im lặng nhìn tôi khi tôi đề nghị chia tay. Lịch sử tái diễn, tôi giải thích với con cái, với người thân. Tôi sắp xếp mọi chuyện: nhà cửa, luật sư, ... Chàng chỉ ký tên vào giấy tờ. Bạn hỏi tôi có buồn không. Thời gian đầu xin thưa “trông giéng sâu tôi nỗi sợ giây dài, ai hay giéng cạn tôi tiếc hoài sợi giây”. Tôi có tiếc, tiếc cho tình cảm của mình chứ không tiếc người đầu bạn.

Thời gian đã mười hai năm trôi qua, tất cả chỉ là con gió thoảng. Bây giờ chúng tôi vẫn gặp nhau, đối xử với nhau như người quen cũ.

Tôi rất thích bốn câu thơ của chị Kiều Mộng Hà:

*“Tôi đi bên bóng hoàng hôn*

*Gió xào xác lá chon von trắng cài*

*Chiều phai níu vạt áo ai*

*Vết thời gian đọng giữa hai chân mày.”*

Giờ đây, chúng ta bên bóng hoàng hôn cuộc đời, nhìn mọi sự với nụ cười bao dung. Trái lòng kể cho bạn nghe với sự thư thả, nhẹ nhàng, và buông bỏ để giữa hai chân mày không còn có vết thời gian đọng lại.

## **Phi Nga**

---

# CHỊ HUÊ

---

Có những kỷ niệm trong đời không bao giờ biến mất trong tâm trí, nhất là những chuyện liên quan đến chuyến vượt biên. Đa số ký ức về chuyến đi một phần sống, chín phần chết này đều buồn nhưng cũng có những kỷ niệm thân thương với nó mà không bao giờ tôi quên được. Có những người khi gặp mình bỗng thấy thân quen và thuộc về mình. Cũng vì yêu thương, tôi đã gián tiếp phạm pháp và liều lĩnh để giúp người đó có một cơ hội làm lại cuộc đời. Đến bây giờ hơn 40 năm trôi qua, tôi vẫn không biết chị ấy ra sao.

Tôi chỉ bắt đầu biết về Lục tỉnh miền Tây sau năm 1979, sau khi lập gia đình với người có quê quán Rạch Giá, Kiên Giang và bản thân tôi có sự hoán chuyển nhiệm sở về Ty Giáo dục tại đây. Từ Sài Gòn đi về đó chỉ 250km nhưng xe đò chạy mất một ngày đường. Sáng sớm 6 giờ sáng xe chạy thì nửa đêm về sáng khách mới đi qua cổng Tam Quan, đến bên xe Rạch Giá. Đây là một miền đất trù phú với 20 km chiều dài bờ biển thuộc vịnh Thái Lan. Tỉnh Kiên Giang giàu có nhờ hải sản và những ruộng lúa phì nhiêu. Thành phố biển này không có sông nhưng có rất nhiều con kênh lớn nhỏ do người bỏ công sức đào. Với những con rạch thiên nhiên, sự đi lại trên sông nước rất thuận tiện và buổi chiều nhìn hoàng hôn xuống trên sông rạch người có tâm hồn lãng mạn cũng lai láng nguồn thơ.

Sống tại Sài Gòn từ thuở sơ sinh cho đến lúc trưởng thành, tôi vẫn nghĩ Lục tỉnh miền Tây quê mùa, dân tình thô kệch. Cho đến lúc về đây sống một thời gian, tôi mới thấy dân Nam kỳ lục tỉnh giàu có, tánh tình hào phóng và thanh niên nam nữ đẹp người, đẹp nét. Khi bắt đầu mền đất, ưa người thì tôi phải tính chuyện rời xa vì không thể sống với chế độ mới này. Xuống Rạch Giá chỉ bốn tháng thôi thì chúng tôi may mắn có chân trong một chuyến vượt biên. Thành phố Rạch Giá lúc đó sôi nổi với đề tài này. Đi đâu gặp nhau mọi người đều nói về

chuyện con ông A mới được định cư ở Mỹ; con ông B đã tới được Mã Lai; con bà C mới gửi một kiện hàng 10 ký về cho bà, v.v. Họ bàn bạc công khai khi người Hoa từ Chợ Lớn đổ bộ cả ngàn người xuống Rạch Giá đi mua sắm, đi dạo và đi ăn uống hàng quán. Các chủ ghe đi tìm thuê những căn nhà lớn có thể chứa mười đến hai chục người chuẩn bị vượt biên. Thành phố sống động, chợ búa đông đảo và thu nhập lợi tức của dân tại chợ, nhất là khu trung tâm, tăng hẳn lên. Chiều xuống mát mẻ, thiên hạ đổ ra đường như trẩy hội.

Nhà chồng tôi ở trên đường Nguyễn Trung Trực, được một chủ ghe thuê cho bà vợ thứ ba và ba đứa con trai cư ngụ. Bà này gốc Việt, nói giọng Bắc Hà Nội sang trọng. Bà rất trọng người có học nên khi có hai người Hoa sau một thời gian chờ đợi đã nóng ruột, bỏ tiền cọc nhảy qua ghe khác khởi hành sớm hơn thì bà cho hai chúng tôi trám chỗ.

Gần ngày đi, tất cả khách của bà được gom lại một nơi, gần chỗ họ đang đóng ghe, và dịp này tôi quen biết anh Sam với vợ sắp cưới của anh là chị Huê. Đây là những người Hoa trăm phần trăm tại Chợ Lớn. Anh chị xuất thân từ nhà giàu nên trông đẹp người và sang trọng hơn các gia đình người Hoa đi cùng chuyến. Anh cao lớn nhưng không thô thiên, da bánh mật và sóng mũi cao như dân Âu. Mái tóc anh để hơi dài, đen mượt, và dọn sóng tự nhiên. Đặc biệt là anh có hàng râu mép, tựa tựa tài tử Clark Gable, diễn viên chánh trong phim *CUỐN THEO CHIỀU GIÓ*. Chị Huê đẹp đài các và hiền lành, cư xử nhẹ nhàng; với anh là một cặp xứng đôi. Tôi có cảm tình với anh chị ngay trong lần đầu gặp gỡ.

Chị Huê bằng tuổi tôi, chị nói tiếng Việt rất sôi, giọng Sài Gòn. Xuống Rạch Giá, chị ăn mặc như người Việt: quần đen áo bà ba, trông chị xinh đẹp như con bà Hội Đồng. Lần đầu gặp chị, tôi bỗng thấy sao quen vô cùng. Tôi cứ theo hỏi chị có phải học trường nọ không, có phải ở trên con đường đó không. Nhiều câu hỏi tôi đặt ra đều trót quớt. Lạ thật, nhất định là chị trông quen lắm kìa! Chẳng lẽ tiềm thức tôi khơi dậy một hình ảnh thân thương nào đó từ kiếp trước. Tôi chỉ

biết là tôi thấy chị thân quen lắm, thấy thương mến chị lạ kỳ. Trong niềm thương yêu chị, tự nhiên tôi cảm thấy tôi phải bao bọc, phải lo lắng chăm sóc chị!

Từ đó, tôi bám sát anh chị Sam - Huê. Sắp hàng điếm danh đi xuống ghe để ra khơi sau anh chị, tôi cũng đón dác dòm quanh trong hầm tối để kiếm chỗ ngồi gần. Chuyến vượt biển tìm tự do gian nguy không ngờ! Chúng tôi phải đổi ghe trong nỗi kinh hoàng, nhảy qua tổng cộng ba chiếc tàu, từ tàu gỗ khá chắc chắn sang tàu sắt to lớn trên vùng biển Mã Lai; rồi từ tàu sắt qua tàu gỗ tồi tàn hư hỏng; cuối cùng mới tới đất Nam Dương. Luôn luôn trong những giây phút khôn khó gian nan ấy, tôi cứ âm thầm sát cánh ngồi cùng anh chị. Lên đất liền tôi mới biết anh Sam đi một mình nhưng chị Huê có một đại gia đình gồm mười mấy người ruột thịt đi trên cùng một ghe nhưng hai bên không nhìn mặt nhau vì chị Huê cãi lời gia đình yêu anh Sam.



Trước khi đến bên bờ cuối cùng là đất Nam Dương thì chúng tôi được tàu sắt của giàn khoan dầu Mỹ cứu ngoài khơi đưa vào Mã Lai. Đây là khu nổi tiếng về du lịch nên thành phố biển Mersing Johor này rất khang trang. Đường xá rộng lớn, xe cộ tấp nập, và dân chúng ăn mặc lịch sự trên đường phố. Nhà cửa mới, đa số là cao ốc, theo cái nhìn của tôi, khi được xe nhà binh của Mã Lai chở đi xuyên qua vài con đường để vào một sân vận động đã bị bỏ hoang, nơi chúng tôi tạm trú.

Theo lệnh của lính Mã Lai, chúng tôi không được đi ra khỏi sân đá banh này. Chung quanh bốn phía bao bọc sân banh là những con mương nước cạn mà sức chúng tôi có thể nhảy qua dễ dàng nhưng không ai dám. Ngoại trừ anh Sam và vài đàn em nhập bọn. Các anh này người Hoa nên khi trốn ra ngoài,

họ giao tiếp buôn bán chuyển đổi vàng bằng hàng hóa trực tiếp với người Hoa Mã Lai. Chúng tôi, những người không dám liều lĩnh như anh Sam, thì mua bán gì cũng phải qua bọn lính Mã Lai và dĩ nhiên phải chịu cho họ ăn lời mà lời rất nặng.

Một hôm anh Sam lủi vào lều chúng tôi, hỏi có dao kéo để anh cạo trụi bộ râu mép. Chúng tôi chưa hiểu ắt giáp chuyện gì thì cách đó dăm ba lều, lính Mã Lai quát tháo kêu tất cả các thanh niên phải rời lều, đi ra tụ tập dưới cột cờ. Hóa ra họ lòng bắt người khuya hôm qua, trốn ra ngoài đi mua bán mà chạy thoát được khi họ rượt. Khi tôi tìm được anh Sam thì bộ râu mép của anh đã cạo sạch. Người Hoa rất đoàn kết không ai chỉ điểm nên lính Mã Lai tìm không ra. Họ hung dữ chửi mắng và tức tối đi ra khỏi sân banh. Đó là lần đầu tôi biết anh Sam không phải dạng vừa.

Khi chúng tôi bị lính Mã Lai, để áp lực với Cao Ủy Ty Nạn Liên Hiệp Quốc, kéo dòn lên năm chiếc ghe hư hỏng của những thuyền nhân trước đây cập bến đến các đảo Mã Lai bỏ lại, thì chúng tôi cũng leo xuống cùng một ghe có anh Sam chị Huê. Tôi có dịp chứng kiến một anh Sam đẹp trai công tử có tinh thần hào hiệp trên biển cả. Số là khi hải quân Mã Lai kéo chúng tôi ra biển, họ xua chúng tôi xuống những chiếc ghe không nước uống, không dầu chạy máy, không có động cơ, và có chiếc không có

luôn bánh lái. Chúng tôi chỉ biết tình trạng hư hỏng của ghe khi lính Mã Lai chặt đứt năm sợi giây thừng mà tàu tuần dương hạm của họ túm kéo ghe chúng tôi ra khơi. Năm chiếc ghe, sau khi bị chặt dây, trôi ngả nghiêng giống như những chiếc lá khô bập bênh trên sóng nước.



---

Những nạn nhân trên một chiếc ghe nhỏ không bánh lái, lòng

tàu lại bị nước biển tràn vào sâm sập nước vì sàn tàu bị rò rỉ lủng, nhờ sóng đẩy đưa tấp gần ghe của chúng tôi. Họ la lên và báo động sẽ quăng đám con nít qua ghe chúng tôi trước rồi họ nhảy qua sau trước khi ghe bị chìm. Tôi chứng kiến anh Sam nắm bắt từng đứa nhỏ một cách thần kỳ, cứ như một ngư phủ nhà nghề đứng vững vàng trên làn sóng biển nhấp nhô. Mọi người đều thán phục sức lực, cử chỉ hào hiệp, và hảo tâm của anh. Trong anh, tôi nhìn thấy một anh hùng, một hiệp sĩ, một đại ca và có lẽ điều ấy đã chinh phục chị Huê. Tôi không hiểu tại sao tôi quan tâm đến chị Huê nhiều như thế, quan tâm lo lắng nhiều như một người chị, người em ruột yếu đuối bé bỏng để sau này tôi, vì muốn giúp chị, đã trở thành liêu lĩnh nếu không muốn nói là phạm pháp.

Khi phái đoàn Đức tới trại chúng tôi cho biết, họ sẽ bốc người nào muốn đi Đức trong vòng hai tuần, không cần qua phỏng vấn, không cần trình độ học thức. Chúng tôi ghi tên trong danh sách mấy trăm người cùng vợ chồng anh Sam, chị Huê đi qua Đức.

Thời gian đầu khi qua Đức, nhóm 80 người chúng tôi được đưa đến một trang trại rộng lớn hai tầng, có hình chữ U dưới sự chăm sóc của hai vợ chồng mục sư và bốn bà sơ người Đức. Trước đây, nơi này là một trang trại, nuôi dạy nghề cho những người trí tuệ chậm phát triển. Trong đó có khu làm bánh mì, khu vắt sữa bò, khu bệnh xá, khu nhà ăn, khu nhà ở, và khu trường học. Anh Sam và chị Huê vào chung với chúng tôi một cấp lớp sau khi qua vài tuần học để cô giáo phân chia trình độ.

Từ đó tôi thân và gần gũi với chị Huê hơn. Đây là người con gái đã vì tình yêu mà đoạn tuyệt với gia đình. Tôi cũng hiểu với một người như anh Sam, dân chơi tại các khu ăn chơi Chợ Lớn, thì gia đình chị Huê khó chấp nhận một khi họ biết về dĩ vãng và tánh tình không chịu vào khuôn phép của anh Sam. Đúng như người lớn nhận xét, anh Sam là người tình tuyệt vời nhưng sẽ là người chồng không đem đến hạnh phúc cho vợ. Chị Huê cam chịu và chấp nhận làm tất cả các nghề thấp kém trong xã hội để kiếm tiền xây dựng cuộc sống mới một cách

đáng phục và đáng thương. Khi chánh phủ Đức cho những thanh niên nam nữ đã học bậc trung học tại Việt Nam được học bổng ăn ở tại những thành phố lớn để theo đuổi chương trình tiếng Đức tại các trung tâm Đức ngữ, hoặc theo các lớp trung học để lấy lại bằng tốt nghiệp thì anh Sam không đi dù anh chị có đủ điều kiện. Anh muốn đi làm kiếm tiền ngay. Chị Huê cũng theo anh, ở lại cái làng nhỏ làm các công việc dọn dẹp vệ sinh hay bung bê trong một quán Tàu. Nhìn chị, một tiểu thư khuê các, nay biến thành một người lao động thấp kém tôi cảm thấy thương chị hơn bao giờ hết. Anh Sam đi làm vài tháng trong một nhà máy nhưng cảm thấy không thích thú nên bỏ việc.

Anh Sam vẫn có những ý định táo bạo vượt ngoài luật pháp. Anh bắt đầu đi buôn lậu thuốc lá. Thuở đó, Châu Âu chưa có đạo luật mở cửa biên giới. Muốn đi qua các nước láng giềng, chúng tôi phải xin visa. Thuốc lá tại Luxemburg rất rẻ, chỉ bằng phân nửa giá bên Đức nhưng biên giới xét rất nghiêm ngặt và có nhiều đồn canh. Anh Sam tìm cách đem lậu vào Đức bằng cách mua những chiếc phao cột thuốc lá vào đó, thả trôi sông sau khi nghiên cứu những đoạn sông và con nước. Tôi không biết anh đã thành công bao nhiêu lần cho đến ngày anh bị bắt. Có lẽ cảnh sát biên giới họ chờ anh làm một cú thật lớn rồi họ chụp nên khi bị bắt, họ phạt anh tám chục ngàn Đức Mã.

Năm 1981, chúng tôi đi làm, sau khi trừ thuế đóng các bảo hiểm an sinh xã hội, lương một tháng còn lại khoảng 1200 đến 1600 DM nên con số tiền phạt này rất lớn. Nếu không có tiền nộp phạt thì anh Sam phải ở tù trừ nợ. Trong lúc còn chờ thủ tục tố tụng và cho quyền anh mượn luật sư kháng cáo, chị Huê đến cho tôi hay cơ sự.

Tá hỏa tam tinh trước thần sắc nhợt nhạt của chị Huê, tôi càng thêm sợ hãi khi chị nói rằng chị không còn thiết sống. Trước hoàn cảnh đó tôi bèn hiến kế là anh chị phải trốn ra khỏi nước Đức ngay nhưng bằng cách nào vì anh Sam đang vướng vào phạt vạ. Tôi dẫn chị đi lên tòa đại sứ Mỹ, xin visa và mua vé máy bay để chị dẫn con sang Mỹ, nơi mà gia đình ruột thịt của



chị, gồm mười mấy người đã định cư. Tuy nhiên khi biết đi thoát một mình thì chị nhất định không đi. Tình yêu của chị giết chị mất rồi! Thuyết phục cách gì cũng không xong, tôi bèn nghĩ cách tráo người! Tôi năn nỉ bạn mình giúp chị Huê bằng cách anh bạn đó xin visa đi qua Mỹ du lịch. Xong hết mọi giai đoạn phỏng vấn chấp thuận của tòa Đại sứ Mỹ thì anh Sam cầm lấy passport và vé của người này đi ra phi trường. Nếu không lọt thì trong ngày đó anh bạn của tôi phải khai cảnh sát ngay là bị mất passport. Phần anh Sam chấp nhận tù đầy nặng hơn vì án sẽ chồng chất.



Năm đó người Á Châu còn rất xa lạ đối với người Đức, họ nhìn người nào cũng giống người nào, khó phân biệt khi hai người tầm thước hao hao nhau và tuổi tác giống nhau. Anh Sam lọt qua vòng kiểm soát tại phi trường nhờ vào sự bình tĩnh, bản lĩnh mà anh luôn có và nhờ anh cạo đi hàng râu mép. Một lần nữa anh thoát nạn.

Chuyện bây giờ mới kể sau hơn 40 năm. Câu chuyện chính tôi đã bày kể và tiếp tay thực hiện điều bất hợp pháp trên đất nước cuu mang tôi để bao nhiêu năm nay tôi âm thầm sám hối. Không biết nơi đất nước Hoa Kỳ, chị Huê có bình an hạnh phúc? Câu hỏi này theo tôi hơn 40 năm. Từ ngày đi ra phi trường với chị đến nay, tôi không nhận được tin tức gì của chị Huê nữa. Tôi tự hỏi hoặc chị không muốn liên lụy tôi vì sợ tôi sẽ bị điều tra? Hoặc là chị biến mất vì không làm được điều đã cam kết với tôi là chị phải chia tay anh Sam, làm hòa với ba má khi sang tới Mỹ? “Tình yêu như trái phá con tìm mù lòa” tôi lẩm nhẩm lần nữa câu hát của Trịnh Công Sơn.

### **Phi Nga**